

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Ia H'Drai năm 2025

Thực hiện Kế hoạch số 2601/KH-UBND ngày 22/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2025; Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện năm 2025 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024:

Kết quả thực hiện Chương trình 6 tháng đầu năm, khả năng thực hiện 09 tháng và ước thực hiện cả năm 2024 trên địa bàn huyện và bối cảnh xây dựng Kế hoạch.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2025:

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu tổng quát:

- Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo.

- Hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia (về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch sinh hoạt và vệ sinh, thông tin), thích ứng với biến đổi khí hậu và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Tỷ lệ giảm nghèo sẽ giao cụ thể, chi tiết gắn với việc giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho lao động nghèo, tạo việc làm gắn với thu nhập, cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo.

3. Kết quả chủ yếu:

- Các công trình cơ sở hạ tầng ở các xã phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi.

- Các mô hình giảm nghèo được xây dựng và nhân rộng, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cho người nghèo, người khuyết tật có hiệu quả phù hợp với điều kiện sinh thái của vùng.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng; nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.

- Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Người dân và cộng đồng được nâng cao nhận thức, trách nhiệm về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

- Các hoạt động giám sát, kiểm tra, đánh giá được tổ chức định kỳ theo quy định nhằm phát hiện những khó khăn, vướng mắc để có giải pháp giải quyết kịp thời.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp được đào tạo, nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT KINH PHÍ THỰC HIỆN:

1. Tổng nhu cầu vốn thực hiện Chương trình năm 2025: Dự kiến 56.770 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 39.120 triệu đồng; vốn sự nghiệp 17.651 triệu đồng. Cụ thể:

a) Nguồn ngân sách Trung ương: 47.845 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 31.799 triệu đồng; vốn sự nghiệp 16.056 triệu đồng.

b) Nguồn ngân sách địa phương⁽¹⁾: 8.926 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư phát triển là 7.321 triệu đồng; vốn sự nghiệp 1.605 triệu đồng.

2. Nhu cầu đối với nội dung hoạt động cho từng dự án

a) Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội

- *Mục tiêu:* Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn huyện; hỗ trợ các địa bàn phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- *Đối tượng thụ hưởng:* Huyện Ia H'Drai⁽²⁾.

- *Nội dung hoạt động:*

+ Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu trên địa bàn huyện (công trình đầu tư cấp huyện, liên xã) liên kết vùng phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa.

+ Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn huyện.

- *Kết quả đầu ra*

⁽¹⁾ Theo Khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum: ngân sách địa phương bố trí bằng 10% ngân sách trung ương.

⁽²⁾ Huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, phụ nữ.

+ Các công trình phục vụ dân sinh được duy tu và bảo dưỡng trên địa bàn huyện.

- *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn*: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Nhu cầu vốn thực hiện*: Khoảng 46.447 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển*: 39.120 triệu đồng, *vốn sự nghiệp*: 7.327 triệu đồng), trong đó:

+ Ngân sách trung ương: 38.460 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển*: 31.799 triệu đồng, *vốn sự nghiệp*: 6.661 triệu đồng);

+ Ngân sách địa phương: 7.987 triệu đồng (*vốn đầu tư phát triển*: 7.321 triệu đồng, *vốn sự nghiệp*: 666 triệu đồng).

b) Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- *Mục tiêu*: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- *Đối tượng thụ hưởng*:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (*không có sinh kế ổn định*) trên phạm vi toàn huyện; người dân sinh sống trên địa bàn huyện. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ.

+ Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp; cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình, dự án giảm nghèo triển khai trên địa bàn huyện; mô hình, dự án giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo chủ trì thực hiện.

+ Người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tạo điều kiện tham gia thực hiện mô hình, dự án giảm nghèo.

- *Nội dung hoạt động*:

+ Xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện; tập huấn,

chuyên giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh;

+ Tổ chức các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng; phù hợp với mục tiêu của Chương trình và quy định của pháp luật.

- Kết quả đầu ra

+ Nhân rộng các mô hình giảm nghèo, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ nghèo, người khuyết tật có hiệu quả phù hợp với điều kiện sinh thái của vùng.

+ Hỗ trợ phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập ổn định cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn nghèo, khó khăn.

- *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn:* Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Nhu cầu vốn thực hiện:* Khoảng 4.008 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó: Ngân sách trung ương 3.644 triệu đồng; ngân sách địa phương 364 triệu đồng.

c) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

(1) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- *Mục tiêu:* Hỗ trợ người nghèo; người dân sinh sống ở vùng nghèo, vùng khó khăn nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường kết nối giữa người sản xuất và các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị, ưu tiên phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất để nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng thụ hưởng:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (*không có sinh kế ổn định*) trên phạm vi toàn huyện; người dân sinh sống trên địa bàn huyện;

+ Hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ.

- Nội dung hoạt động:

+ Phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp: Tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản

xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định;

+ Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng;

+ Tập huấn, tư vấn quản lý tiêu thụ nông sản, thí điểm, nhân rộng các giải pháp, sáng kiến phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị hiệu quả.

- *Kết quả đầu ra*

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng; nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi.

+ Nâng cao năng lực quản lý sản xuất, kinh tế của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các nội dung hỗ trợ khác phù hợp với tính chất của hoạt động sinh kế định hướng thị trường; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia cam kết bao tiêu sản phẩm.

- *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn*: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Nhu cầu vốn thực hiện*: Khoảng 1.617 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó: Ngân sách trung ương 1.470 triệu đồng; ngân sách địa phương 147 triệu đồng.

(2) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- *Mục tiêu*: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện.

- *Đối tượng thụ hưởng*:

+ Trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (*trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo*); trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện.

+ Phụ nữ mang thai và cho con bú, hộ gia đình, cơ sở y tế, trường học trên địa bàn huyện.

- *Nội dung hoạt động*:

+ Hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và cho con bú, trẻ em 0-16 tuổi: Cung cấp các dịch vụ tư vấn dinh dưỡng cho bà mẹ từ lúc mang thai cho đến khi trẻ được 2 tuổi. Cung cấp viên sắt, đa vi chất cho phụ nữ có thai; Bổ sung Vitamin A cho trẻ em từ 6 đến 60 tháng tuổi, trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng, tiêu chảy, sỏi, viêm đường hô hấp cấp và phụ nữ trong vòng 1 tháng sau sinh. Cung cấp sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng; Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em tại cộng đồng. Tẩy giun định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi. Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp, thực hành dinh dưỡng tại trạm y tế xã, phường, thị trấn, thôn, làng. Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm

bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh bán trú/nội trú; Nói chuyện chuyên đề về chăm sóc dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, phòng chống suy dinh dưỡng và thiếu vi chất dinh dưỡng tại trường học. Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 16 tuổi hàng năm và định kỳ theo kế hoạch. Cung cấp trang thiết bị đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em cho cơ sở y tế huyện, xã, thôn bản và trường học, cung cấp các dụng cụ thực hành dinh dưỡng, vật tư y tế, thực phẩm bổ sung, tài liệu để triển khai các hoạt động can thiệp tại cộng đồng. Nâng cao năng lực cho cán bộ y tế tuyến cơ sở, nhân viên y tế thôn bản, y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em.

+ Hoạt động về truyền thông dinh dưỡng: Nhân bản, phát sóng, phát hành nội dung truyền thông bằng nhiều hình thức và nhiều kênh truyền thông, bao gồm truyền thông đại chúng, loa đài, báo giấy, tờ rơi, ... Tập huấn về kỹ năng truyền thông cho đội ngũ cán bộ y tế và liên ngành làm công tác chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ trẻ em cấp huyện/xã/thôn/bản theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến phù hợp với thực tế địa phương và tính chất nội dung đào tạo. Tổ chức các buổi truyền thông tại thôn/bản/xã trong Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Vi chất dinh dưỡng, ngày tiêm chủng theo điều kiện và kế hoạch của địa phương, và dựa trên các công văn hướng dẫn của Bộ Y tế hằng năm.

+ Hoạt động về kiểm tra, giám sát, khảo sát, đánh giá thực hiện.

- *Kết quả đầu ra*

+ Hạ xuống mức thấp các thể thiếu dinh dưỡng ở bà mẹ và trẻ em vùng khó khăn, hộ nghèo và cận nghèo.

+ Cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng ở trẻ em, thanh thiếu niên và phụ nữ lứa tuổi sinh đẻ vùng khó khăn, hộ nghèo và hộ cận nghèo.

+ Bảo đảm an ninh thực phẩm và ứng phó về dinh dưỡng với tình huống khẩn cấp cho trẻ em tại vùng khó khăn.

- *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn*: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Nhu cầu vốn thực hiện*: Khoảng 664 triệu đồng (vốn sự nghiệp), trong đó: Ngân sách trung ương 604 triệu đồng; Ngân sách địa phương 60 triệu đồng.

d) Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

(1) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- *Mục tiêu*: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn huyện, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- *Đối tượng thụ hưởng*:

+ Người học nghề, lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động có thu nhập thấp;

+ Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và cá nhân có liên quan;

+ Các phòng, ban, ngành, địa phương được giao nhiệm vụ thực hiện các hoạt động của Tiểu dự án.

- *Nội dung hoạt động:*

+ Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (*gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước*); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

+ Khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm trên địa bàn huyện.

+ Phát triển mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện.

+ Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- *Kết quả đầu ra*

+ Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp được nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

+ Tạo sinh kế, tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo.

- *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn:* Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Nhu cầu vốn thực hiện:* Khoảng 1.642 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó: Ngân sách trung ương 1.493 triệu đồng; Ngân sách địa phương 149 triệu đồng.

(2) *Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.*

- *Mục tiêu:* Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn huyện đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện.

- *Đối tượng thụ hưởng:*

+ Người lao động cư trú trên địa bàn huyện có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài (*không bao gồm các địa bàn được hưởng cơ chế, chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*); ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ Cơ sở đào tạo, doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; các tổ chức, cá nhân tư vấn cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

+ Người lao động tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ để đi làm việc ở nước ngoài theo các Hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận.

- *Nội dung hoạt động:*

+ Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (*bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng*), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động;

+ Một phần chi phí đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo các hiệp định ký giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ nước tiếp nhận, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động sinh sống trên địa bàn huyện.

- *Kết quả đầu ra:* Người lao động thuộc huyện, đặc biệt là lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ các nội dung theo quy định để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần thoát nghèo bền vững.

- *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn:* Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Nhu cầu vốn thực hiện:* Khoảng 547 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó: Ngân sách trung ương: 497 triệu đồng; ngân sách địa phương: 49,7 triệu đồng.

(3) *Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*

- *Mục tiêu:* Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện.

- *Đối tượng thụ hưởng:*

+ Người lao động, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo;

+ Người lao động sinh sống trên địa bàn huyện;

+ Cơ quan quản lý nhà nước các cấp.

- Nội dung hoạt động:

+ Về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu;

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc;

+ Hỗ trợ giao dịch việc làm;

+ Quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác;

+ Thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động;

+ Hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Kết quả đầu ra

+ Hệ thống cơ sở dữ liệu về người lao động được vận hành.

+ Cung cấp kịp thời thông tin về chính sách lao động, việc làm và cơ hội việc làm phù hợp với khả năng, nguyện vọng của người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

+ Tạo việc làm cho người lao động thuộc huyện, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để thoát nghèo bền vững.

- *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn:* Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Nhu cầu vốn thực hiện:* Khoảng 361 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó: Ngân sách trung ương: 328 triệu đồng; ngân sách địa phương: 32,8 triệu đồng.

e) Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

- *Mục tiêu:* Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện; đảm bảo hộ nghèo, cận nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

- Đối tượng thụ hưởng:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo (*theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021 - 2025*) trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đang cư trú trên địa bàn huyện và là hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi Chương trình có hiệu lực thi hành tối thiểu 03 năm;

+ Đối tượng thụ hưởng dự án không bao gồm các hộ đã được hỗ trợ nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và các chương trình, đề án, chính sách khác.

- *Nội dung hoạt động:* Tổ chức, thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện theo Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm

2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh³; Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện⁴.

- Kết quả đầu ra

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo sinh sống trên địa bàn huyện chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở được hỗ trợ về nhà ở.

+ Giảm tỷ lệ thiếu hụt về nhà ở tại các huyện nghèo.

- *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn*: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Nhu cầu vốn thực hiện*: 726 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó: Ngân sách trung ương: 660 triệu đồng; ngân sách địa phương: 66 triệu đồng.

g) Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

(1) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Mục tiêu:

+ Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin;

+ Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương;

+ Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững;

+ Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

- Đối tượng thụ hưởng:

+ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện;

+ Các khu vực biên giới (*huyện biên giới, xã biên giới*).

³ Phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo, tỉnh Kon Tum thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

⁴ Phê duyệt danh sách điều chỉnh, bổ sung hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở trên địa bàn huyện Ia H'Drai giai đoạn 2021-2025.

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- *Nội dung hoạt động:*

+ Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông;

+ Tiếp tục vận hành cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới;

+ Cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn). Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội.

- *Kết quả đầu ra*

+ Cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền các ngành, các cấp; cán bộ thông tin, tuyên truyền ở cơ sở; cán bộ làm công tác thông tin, tuyên truyền của các tổ chức chính trị - xã hội được tham gia các lớp tập huấn, nâng cao năng lực về kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền.

+ Mở rộng hoạt động của đài truyền thanh xã để đáp ứng nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền: hệ thống cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn, bản trong xã để đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin thiết yếu đến các hộ dân trong xã; Thay thế cụm loa có dây, không dây FM bị hỏng, không còn sử dụng được sang cụm loa ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

+ Cung cấp các dịch vụ thông tin công cộng phục vụ nhân dân các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tiếp nhận các xuất bản phẩm, báo chí in từ Dự án và các chương trình, đề án khác để phục vụ nhân dân trên địa bàn; Phục vụ (miễn phí) người dân đọc sách, báo, tạp chí (*bao gồm xuất bản phẩm điện tử và báo điện tử*); Cung cấp dịch vụ phục vụ truy cập internet bằng rộng để người dân khai thác các thông tin thiết yếu, đọc các xuất bản phẩm điện tử, báo điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn:* Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Nhu cầu vốn thực hiện:* Không có nhu cầu vốn thực hiện.

(2) *Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều*

- *Mục tiêu:* Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

- *Đối tượng thụ hưởng*: Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- *Nội dung hoạt động*:

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, chuyên mục, phóng sự, tài liệu truyền thông về giảm nghèo bền vững.

+ Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.

+ Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.

+ Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

+ Tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách, nói chuyện chuyên đề về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở.

+ Tăng cường viết bài về giảm nghèo trên trang thông tin điện tử.

- *Kết quả đầu ra*

+ Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình; các tổ chức và cá nhân có liên quan được nâng cao nhận thức về công tác giảm nghèo, các chính sách có liên quan đến giảm nghèo.

+ Các hoạt động truyền thông được tổ chức với nhiều hình thức phù hợp: trên các phương tiện thông tin đại chúng; trang thông tin điện tử của các đơn vị, địa phương; tờ rơi, tờ gấp, pano; đối thoại chính sách; nói chuyện chuyên đề; trợ giúp pháp lý...

- *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn*: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Nhu cầu vốn thực hiện*: Khoảng 139 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó: Ngân sách trung ương 126 triệu đồng; ngân sách địa phương 13 triệu đồng.

h) Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

(1) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

- *Mục tiêu*: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

- *Đối tượng thụ hưởng:*

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, nhất là cấp cơ sở (*cán bộ thôn, tổ dân phố, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ chi hội đoàn thể, cộng tác viên giảm nghèo, người có uy tín*), chú trọng nâng cao năng lực cho cán bộ nữ;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- *Nội dung hoạt động:*

+ Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn;

+ Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài nước; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- *Kết quả đầu ra*

+ Đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác giảm nghèo các cấp được nâng cao năng lực, áp dụng vào thực tế triển khai nhiệm vụ.

+ Các chính sách, chương trình về giảm nghèo được thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, mục tiêu, hiệu quả, bền vững.

- *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn:* Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Nhu cầu vốn thực hiện:* Khoảng 424 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó: Ngân sách trung ương 385 triệu đồng; ngân sách địa phương 39 triệu đồng.

(2) *Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá*

- *Mục tiêu:*

+ Triển khai quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình;

+ Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

- *Đối tượng:*

+ Cơ quan chủ trì Chương trình các cấp, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần/nội dung trong các dự án thành phần các cấp và các cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá;

+ Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

- *Nội dung hoạt động:*

+ Triển khai, thực hiện Chương trình, gồm: Hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; triển khai quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất.

+ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp.

+ Triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- *Kết quả đầu ra*: Bảo đảm tổ chức triển khai thực hiện cơ chế, chính sách, Chương trình, đúng mục tiêu, đúng định hướng, đúng luật pháp, hiệu quả. Kịp thời kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, giải quyết những vấn đề khó khăn, vướng mắc, hạn chế.

- *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn*: Thực hiện theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Nhu cầu vốn thực hiện*: Khoảng 196 triệu đồng (*vốn sự nghiệp*), trong đó: Ngân sách trung ương: 178 triệu đồng; ngân sách địa phương: 18 triệu đồng.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều bằng các hình thức đa dạng, phù hợp với từng đối tượng nhằm tạo sự đồng thuận của người dân; khơi dậy ý chí, khát vọng vươn lên thoát nghèo bền vững.

2. Thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương⁵, của tỉnh⁶, của huyện⁷ nhằm đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra tại Kế hoạch.

3. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cấp xã, huyện, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng có tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số cao.

⁵ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 về giao kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia.

⁶ Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 28-10-2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 23-6-2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19-5-2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về lãnh đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁷ Kế hoạch số 50-KH/HU ngày 14/12/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy về triển khai thực hiện Kế hoạch số 21-KH/TU ngày 28/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030”; Chương trình số 69-CTr/HU ngày 11/7/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19/5/2022 của Tỉnh ủy “về triển khai chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện”.

4. Tích cực, chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực Nhà nước, xã hội và Nhân dân để đầu tư thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Trong đó, chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng và các công trình xây dựng cơ bản phục vụ nhu cầu thiếu yếu cho người dân; hỗ trợ triển khai các mô hình sản xuất hiệu quả, gắn với Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm, thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới trên cơ sở liên kết theo chuỗi giá trị với cơ sở chế biến để đảm bảo ổn định nguồn tiêu thụ hàng hóa nông sản.

5. Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội trong phối hợp, triển khai thực hiện công tác giảm nghèo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan và các địa phương: Tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, các cơ quan ban, ngành liên quan và địa phương: Tổng hợp, đề xuất kế hoạch, dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình năm 2025 gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp chung. Đồng thời, hướng dẫn triển khai thực hiện Dự án 2, Dự án 4, Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6, Dự án 7.

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Ia H'Drai giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 138/QĐ-BCĐ ngày 18/7/2023 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia huyện Ia H'Drai giai đoạn 2021-2025 về quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

- Tổng hợp nhu cầu, dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững vào kế hoạch năm 2025, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan tổng hợp, cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và tỷ lệ (%) vốn đối ứng của địa phương cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định; huy động các nguồn tài trợ để thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Trên cơ sở dự toán kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững được Sở Tài chính giao hàng năm, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định phân bổ nguồn vốn Trung ương thực

hiện Chương trình và nguồn vốn địa phương đối ứng theo phân cấp quản lý ngân sách theo quy định.

- Hướng dẫn về cơ chế tài chính, thanh quyết toán các nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình theo quy định của Trung ương, Sở, ngành *(nếu có)*.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp báo cáo chung.

5. Văn phòng HĐND-UBND huyện (phụ trách lĩnh vực Y tế): Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp báo cáo chung.

6. Phòng Kinh tế - Hạ tầng: Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Dự án 5; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp báo cáo chung.

7. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp báo cáo chung.

8. Ủy ban nhân dân các xã

- Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế của địa phương, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2025 trên địa bàn quản lý; chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực và ưu tiên phân bổ nguồn vốn cho xã, thôn có tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo còn cao; bố trí một phần ngân sách địa phương để hỗ trợ thực hiện, hoàn thành các mục tiêu giảm nghèo theo quy định. Chịu trách nhiệm sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả.

- Phân công trách nhiệm của các bộ phận phụ trách trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở;

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã năm 2024, báo cáo kết quả rà soát kịp thời theo quy định.

- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện đối với cấp xã.

- Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 và báo cáo tình hình thực hiện Chương trình theo quy định.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội huyện

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường, có ý chí, khát vọng vươn lên thoát nghèo bền vững. Gắn việc triển khai thực hiện Cuộc vận động “*Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn*

lên thoát nghèo bền vững”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” với Phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Vận động các tổ chức, cá nhân tham gia hỗ trợ các nguồn lực giúp người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo vươn lên thoát nghèo bền vững theo kế hoạch giảm nghèo của địa phương.

- Tổ chức thực hiện công tác phản biện, giám sát trong việc xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện.

Căn cứ nội dung Kế hoạch, các đơn vị địa phương chủ động triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện bổ sung, điều chỉnh phù hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan thành viên BCD CTMTQG huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã;
- Lưu: VT- TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Dũng

Phụ lục
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024 VÀ BỐI CẢNH
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2024
của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 06 THÁNG ĐẦU NĂM, KHẢ NĂNG THỰC HIỆN 9 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2024

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

1. Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai đã ban hành 93 văn bản cụ thể hóa và chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình (02 văn bản của Huyện ủy; 07 văn bản của Hội đồng nhân dân huyện và 84 văn bản của Ủy ban nhân dân huyện) (Chi tiết tại biểu 01 kèm theo).

2. Cấp xã: Các địa phương đã triển khai công tác kiện toàn, thành lập Ban quản lý xã, Ban giám sát của cộng đồng xã, Ban phát triển thôn đảm bảo năng lực quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, hoạt động thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

II. Kết quả phân bổ, sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình

1. **Ngân sách Trung ương:** Tổng kinh phí thực hiện Chương trình được Trung ương giao năm 2024 là 65.118 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 48.844 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 15.274 triệu đồng. Huyện đã phân bổ vốn đạt tỷ lệ 100%. Trong 6 tháng đầu năm đã giải ngân 4.498 triệu đồng, đạt 6,90% kế hoạch (4.498/65.118), trong đó: Vốn đầu tư phát triển: 4.158 triệu đồng, đạt 8,5% kế hoạch (4.158/48.844); Vốn sự nghiệp: 318 triệu đồng, đạt 2,08% kế hoạch (164/15.274). Khả năng thực hiện 9 tháng đầu năm là 48.838 triệu đồng và ước thực hiện cả năm 2024 là 65.118 triệu đồng.

2. **Ngân sách địa phương:** Tổng kinh phí đã đối ứng năm 2024 là 3.078 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển là 1.760 triệu đồng; vốn sự nghiệp là 1.318 triệu đồng. Trong 6 tháng đầu năm đã giải ngân 22 triệu đồng vốn sự nghiệp, đạt 1,67% kế hoạch, khả năng thực hiện 9 tháng đầu năm là 1.027 triệu đồng, ước thực hiện cả năm 2024 giải ngân 1.370 triệu đồng. Vốn đối ứng sự nghiệp thực hiện Chương trình của các đơn vị, địa phương được lồng ghép, sắp xếp trong dự toán chi thường xuyên (lồng ghép với kinh phí thực hiện các Chương trình, Dự án, đề án, các nhiệm vụ chi có nội dung tương đồng với các nội dung chi của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững)

3. **Huy động khác:** Việc huy động các nguồn tham gia Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện tương đối khó khăn, trong đó vốn ngân sách địa phương (ngân sách huyện, xã) để thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện còn hạn chế. Phần lớn nguồn thực hiện chủ yếu là vốn ngân sách trung ương.

III. Tình hình thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Kiểm toán nhà nước

1. Tình hình thực hiện Nghị quyết số 108/2023/QH15, Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030” (Nghị quyết số 108/2023/QH15); Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 23/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 3 năm 2024⁸ theo quy định phân cấp tại Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh⁹;

- Thực hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Nghị quyết số 111/2024/QH15) và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 tại Công văn số 1058/VPCP-QHĐP ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Văn phòng Chính phủ⁽¹⁰⁾, Ủy ban nhân dân huyện đã có Văn bản số 881/UBND-KTTH ngày 04 tháng 5 năm 2024 chỉ đạo các đơn vị, địa phương khẩn trương nghiên cứu các cơ chế, chính sách đặc thù tại Nghị quyết số 111/2024/QH15 để tổ chức triển khai thực hiện ngay; đồng thời rà soát, tham mưu ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định địa phương đã ban hành liên quan đến các cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 111/2024/QH15 và tình hình thực tế của địa phương.

2. Kết quả thực hiện kết luận của Kiểm toán nhà nước, các cơ quan thanh tra liên quan trong thực hiện Chương trình.

Trong năm 2024, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành thanh tra việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 tại tỉnh Kon Tum¹¹ và đã có Kết luận số 145/KL-TTr ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội¹². Hiện các đơn vị, địa phương đang triển khai thực hiện nội dung kiến nghị theo quy định.

IV. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình

1. Về giảm hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo

⁸ Về việc chuyển nhiệm vụ chi ngân sách cấp huyện năm 2023 sang năm 2024 (đợt 1)..

⁹ Về Quy định phân cấp quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

¹⁰ Về việc triển khai Nghị quyết của Quốc hội về các cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và tổ chức Phiên họp thứ 5 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia.

¹¹ Tại Quyết định số 227/QĐ-TTtr ngày 13 tháng 5 năm 2024

¹² Về Kết luận thanh tra việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 tại tỉnh Kon Tum

a) Kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn huyện năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025¹³:

- Kết quả hộ nghèo, hộ cận nghèo toàn huyện:

+ Tính đến cuối năm 2023 hộ nghèo toàn huyện theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 là 300 hộ, chiếm tỷ lệ 7,93% so với tổng số hộ dân toàn huyện; trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số là 241 hộ, chiếm 80,33% so với tổng số hộ hộ nghèo toàn huyện. Tỷ lệ hộ nghèo giảm 13,38%/năm, đạt 127,42% so với kế hoạch giao¹⁴.

+ Tổng số hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ cận nghèo: 285 hộ, chiếm tỷ lệ 7,53% so với tổng số hộ dân toàn huyện, trong đó 223 hộ cận nghèo dân tộc thiểu số, chiếm 78,24% so với tổng số hộ cận nghèo toàn huyện

c) Ước thực hiện năm 2024 giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2022 - 2025:

Phân đầu đến cuối năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm còn 3,03% so với tổng số hộ dân toàn huyện (chỉ tiêu giao giảm ít nhất 6,5%), tỷ lệ hộ cận nghèo toàn huyện giảm còn 6,95% so với tổng số hộ dân toàn huyện.

2. Kết quả đo lường về mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (chiều thiếu hụt) và ngưỡng thiếu hụt qua các chỉ số đo lường đến cuối năm 2023 trên địa bàn huyện:

- Các chỉ số thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo: Việc làm: 100 hộ, chiếm tỷ lệ 33,33%. Người phụ thuộc trong hộ gia đình: 117 hộ, chiếm tỷ lệ 39%. Dinh dưỡng: 53 hộ, chiếm tỷ lệ 17,67%. Bảo hiểm y tế: 0 hộ, chiếm tỷ lệ 0%. Trình độ giáo dục của người lớn: 21 hộ, chiếm tỷ lệ 7%. Tình trạng đi học của trẻ em: 05 hộ, chiếm tỷ lệ 1,67%. Chất lượng nhà ở: 125 hộ, chiếm tỷ lệ 41,67%. Diện tích nhà ở bình quân đầu người: 56 hộ, chiếm tỷ lệ 18,67%. Nguồn nước sinh hoạt: 56 hộ, chiếm tỷ lệ 18,67%. Nhà tiêu hợp vệ sinh: 110 hộ, chiếm tỷ lệ 36,67%. Sử dụng dịch vụ viễn thông: 100 hộ, chiếm tỷ lệ 33,33%. Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: 24 hộ, chiếm tỷ lệ 8%.

- Các chỉ số thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo: Việc làm: 50 hộ, chiếm tỷ lệ 17,54%. Người phụ thuộc trong hộ gia đình: 80 hộ, chiếm tỷ lệ 28,07%. Dinh dưỡng: 26 hộ, chiếm tỷ lệ 9,12%. Bảo hiểm y tế: 0 hộ, chiếm tỷ lệ 0%. Trình độ giáo dục của người lớn: 08 hộ, chiếm tỷ lệ 2,81%. Tình trạng đi học của trẻ em: 04 hộ, chiếm tỷ lệ 1,4%. Chất lượng nhà ở: 61 hộ, chiếm tỷ lệ 21,4%. Diện tích nhà ở bình quân đầu người: 14 hộ, chiếm tỷ lệ 4,91%. Nguồn nước sinh hoạt: 73 hộ, chiếm tỷ lệ 25,61%. Nhà tiêu hợp vệ sinh: 93 hộ, chiếm tỷ lệ 32,63%. Sử dụng dịch vụ viễn thông: 33 hộ, chiếm tỷ lệ 11,58%. Phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin: 15 hộ, chiếm tỷ lệ 5,26%.

¹³ Theo Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện về phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 trên địa bàn huyện Ia H'Drai.

¹⁴ Theo Công văn số 1004/UBND-KGVX ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về giao chỉ tiêu giảm nghèo năm 2023 (10,5%).

V. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình

1. Tiểu dự án 1, dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội các huyện nghèo

Kinh phí Trung ương phân bổ: 54.742 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 48.844 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 5.898 triệu đồng).

Kết quả thực hiện: Tổng số công trình được đầu tư là 09 công trình, trong đó có 04 công trình đầu tư mới và 05 công trình chuyển tiếp và các công trình được duy tu bảo dưỡng từ nguồn vốn sự nghiệp. Các công trình được đầu tư xây dựng, duy tu bảo dưỡng nhằm phục vụ trực tiếp cho sản xuất và dân sinh, đáp ứng nhu cầu của người dân hưởng lợi, ưu tiên các công trình có nhiều người hưởng lợi là hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, phụ nữ.

2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

Ngân sách trung ương phân bổ: 3.632 triệu đồng (vốn sự nghiệp), Ủy ban nhân dân huyện đã phân bổ 100% kinh phí về các xã.

Kết quả thực hiện: Các xã đang triển khai thực hiện 08 mô hình giảm nghèo, dự án phát triển sản xuất có gắn với quy hoạch phát triển sản xuất và thích ứng với biến đổi khí hậu của từng địa phương. Các địa phương đều triển khai thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

Ngân sách trung ương phân bổ: 1.470 triệu đồng, trong đó phân bổ cho Phòng Nông nghiệp và PTNT: 28 triệu đồng; các xã: 1.442 triệu đồng.

Kết quả thực hiện: Các đơn vị địa phương xây dựng và triển khai thực hiện 03 dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

b) Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng

- *Ngân sách trung ương phân bổ:* 604 triệu đồng, trong đó phân bổ cho Văn phòng HĐND-UBND huyện: 604 triệu đồng

- *Kết quả thực hiện:* Hiện nay, đơn vị đang dự kiến triển khai các nội dung về hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho, trẻ em dưới 16 tuổi (gồm bổ sung vi chất dinh dưỡng cho các nhóm đối tượng; Tăng cường chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ có thai, bà mẹ cho con bú; tăng cường nuôi con bằng sữa mẹ và ăn bổ sung thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp như thảo luận nhóm, hướng dẫn trình diễn thức ăn cho trẻ em cho đối tượng là phụ nữ có thai và bà mẹ/người chăm sóc trẻ từ 6 đến 16 tuổi tại trạm y tế xã, thôn (làng); Tổ chức thực hiện bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh; Hướng dẫn, tổ chức khảo sát, theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng hằng năm và định kỳ theo kế hoạch của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; trẻ em dưới 16 tuổi và phụ nữ mang thai trên địa bàn huyện; Tổ chức hướng dẫn, nói chuyện chuyên đề, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ y tế các tuyến, nhân viên y tế thôn, cộng tác viên dinh dưỡng,

y tế trường học, giáo viên, cán bộ làm công tác dinh dưỡng ở trường học và liên ngành khác về cải thiện chăm sóc dinh dưỡng bà mẹ và trẻ em; Phát hiện, điều trị và quản lý suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ em từ 0 đến 72 tháng tuổi tại cộng đồng); Hoạt động truyền thông dinh dưỡng (gồm Sử dụng các tài liệu truyền thông do Trung ương cấp để truyền thông tại cộng đồng. Nhân bản, phát sóng, phát hành nội dung truyền thông bằng nhiều hình thức và nhiều kênh truyền thông, bao gồm truyền thông đại chúng, loa đài, báo giấy, tờ rơi, pano, áp phích, khẩu hiệu, tháp dinh dưỡng; Tổ chức các chiến dịch, lễ phát động, các buổi truyền thông trong Tuần lễ Nuôi con bằng sữa mẹ, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Vi chất dinh dưỡng, ngày tiêm chủng...) và đang triển khai thực hiện các bước theo quy trình quy định.

4. Dự án 4. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

Ngân sách trung ương phân bổ: 1.448 triệu đồng vốn sự nghiệp, trong đó phân bổ cho Phòng Nông nghiệp và PTNT: 1.120 triệu đồng; Phòng Lao động - TBXH: 328 triệu đồng.

Kết quả thực hiện: Qua khảo sát, đầu năm 2024 có 204 người lao động có nhu cầu đào tạo nghề, trong đó, Trường Cao đẳng Kon Tum đã phản hồi không thể đảm nhận 28 người đăng ký nghề dệt thổ cẩm, hiện Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn đang phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã hoàn thiện các hồ sơ đăng ký đào tạo nghề với Trường cao đẳng Kon Tum đối 176 người đăng ký các nghề nông nghiệp còn lại.

b) Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Ngân sách trung ương phân bổ: 498 triệu đồng, trong đó phân bổ cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 498 triệu đồng.

Kết quả thực hiện: Số người lao động đề nghị hỗ trợ hạn chế với lý do: Người lao động đã tham gia các khóa đào tạo ngoại ngữ và hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục cần thiết nhưng không cung cấp đầy đủ các hóa đơn, chứng từ theo hướng dẫn để đảm bảo việc thanh quyết toán theo đúng quy định. Do đó đến nay chưa triển khai thực hiện.

c) Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững

Ngân sách trung ương phân bổ: 330 triệu đồng vốn sự nghiệp, trong đó phân bổ cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là 34 triệu đồng; 296 triệu đồng.

Kết quả thực hiện: Hiện nay các xã đã thực hiện độ thu thập, cập nhật, chỉnh sửa thông tin về người lao động; Tổ chức tuyên truyền chính sách pháp luật lao động việc làm và tư vấn giới thiệu việc làm trên địa bàn quản lý.

5. Dự án 5. Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo

Hiện nay, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2024 phê duyệt danh sách điều chỉnh, bổ sung hộ nghèo, hộ cận nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở trên địa bàn huyện Ia H'Drai giai đoạn 2021-2025.

- *Ngân sách trung ương phân bổ* là 700 triệu đồng.

- *Kết quả thực hiện*: Hiện nay các địa phương đang triển khai, thực hiện đã hỗ trợ cho 04 hộ xây mới, 03 hộ sửa chữa. Dự kiến năm 2024 sẽ hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện là 24 hộ, gồm xây mới 11 hộ và sửa chữa là 13 hộ.

6. Dự án 6. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1. Giảm nghèo về thông tin

Năm 2024, không bố trí vốn thực hiện giảm nghèo về thông tin.

b) Tiểu dự án 2. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

Ngân sách trung ương phân bổ: 131 triệu đồng, trong đó cấp cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 131 triệu đồng.

Kết quả thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đang nghiên cứu các quy định để triển khai hoạt động về truyền thông về giảm nghèo đa chiều.

7. Dự án 7. Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

Ngân sách trung ương phân bổ: 352 triệu đồng, trong đó cấp cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 352 triệu đồng.

Kết quả thực hiện: Xây dựng kế hoạch tổ chức 01 đoàn tham quan học tập kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực, kiến thức về thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

Ngân sách trung ương phân bổ: 211 triệu đồng, trong đó cấp cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội: 26 triệu đồng; các xã: 185 triệu đồng.

Kết quả thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 16/5/2024 về việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình năm 2024, dự kiến kiểm tra 01 đợt vào tháng 09. Các xã dự kiến triển khai thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát và rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vào cuối năm 2024 theo quy định.

VI. Đánh giá chung

1. Kết quả đạt được

- Cấp ủy, chính quyền địa phương đã chủ động ban hành theo thẩm quyền các văn bản chỉ đạo, điều hành, hệ thống cơ chế, chính sách, chủ động trong công tác tổ chức triển khai thực hiện các CTMTQG trên địa bàn huyện. Ban Chỉ đạo cấp huyện được thành lập, kiện toàn kịp thời, thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành,

điều phối, đảm bảo Chương trình được triển khai thực hiện có hiệu quả. Quá trình thực hiện Chương trình tại các đơn vị, địa phương luôn nhận được sự phối hợp tham gia của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp.

- Đảm bảo tiến độ về phân bổ, giao kế hoạch vốn năm 2024 nguồn ngân sách Trung ương cho các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tại các địa phương đã tạo điều kiện, cơ hội cho người dân được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống. Tỷ lệ giảm nghèo trên địa bàn huyện đạt kế hoạch đề ra; Tỷ lệ giảm nghèo tại huyện đạt và vượt kế hoạch được giao.

- Một số dự án đầu tư quan trọng đã và đang chuẩn bị đầu tư trên địa bàn huyện góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người dân, giảm nghèo bền vững.

- Công tác kiểm tra, giám sát Chương trình được chú trọng triển khai thực hiện, được cụ thể hóa thành kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm; kịp thời đánh giá, báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chương trình theo yêu cầu và đảm bảo quy định; kịp thời rà soát, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác thanh tra Chương trình của Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Hạn chế

- Văn bản triển khai, hướng dẫn của Trung ương về thực hiện Chương trình có sửa đổi, bổ sung cần có thời gian để địa phương điều chỉnh, triển khai vì vậy đã ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao; tỷ lệ giải ngân vốn thực hiện Chương trình còn thấp, đặc biệt đối với tiểu dự án 2, dự án 3 và dự án 4.

- Địa phương gặp nhiều khó khăn trong việc cân đối nguồn lực đối ứng để thực hiện Chương trình, do các nguồn thu ngân sách hàng năm hạn chế.

- Cấp ủy, chính quyền một số xã chưa thực sự quyết liệt, chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện Chương trình; chưa có các giải pháp để huy động, tăng cường nguồn lực đầu tư cho Chương trình như huy động sự hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân.

- Một số đơn vị chưa có hoặc thông kê chưa đầy đủ số liệu thông kê kết quả thực hiện theo các biểu mẫu kèm theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Một số hộ nghèo người đồng bào DTTS vẫn còn phương thức sản xuất truyền thống, lạc hậu, chưa có điều kiện áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp, việc tiếp thu kiến thức tiến bộ kỹ thuật để áp dụng vào sản xuất còn hạn chế; chưa mạnh dạn vay vốn để sản xuất, kinh doanh, chưa tự ý thức vươn lên thoát nghèo.

3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

a) Nguyên nhân khách quan

- Thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường đã ảnh hưởng đến đời sống, hoạt động sản xuất của một bộ phận người dân và gây khó khăn cho các cơ quan, địa phương triển khai các chương trình, chính sách về giảm nghèo.

- Trong 06 tháng đầu năm 2024 một số văn bản, quy định của Trung ương về triển khai, thực hiện các CTMTQG được sửa đổi, bổ sung; vì vậy các địa phương cần có thời gian nghiên cứu, cập nhật.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Một số công chức cấp xã chưa dành thời gian nghiên cứu kỹ về nội dung, phạm vi, đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của từng dự án, tiểu dự án được quy định tại các Nghị định, Thông tư, hướng dẫn thuộc Chương trình dẫn đến công tác tham mưu triển khai thực hiện còn lúng túng, bị động.

- Công tác tham mưu, phối hợp giữa các phòng, ban, ngành có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản đôi lúc còn chậm, chưa kịp thời; việc giải quyết những bất cập, khó khăn ở địa phương có nội dung, có lúc chưa kịp thời.

B. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

I. Thuận lợi

1. Được sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện trong triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia nói chung và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững nói riêng.

2. Các cấp ủy đảng, chính quyền xác định công tác giảm nghèo bền vững là nội dung quan trọng trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của các ngành, địa phương. Các văn bản về giảm nghèo đã được ban hành tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình chỉ đạo, triển khai thực hiện.

3. Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia cấp huyện được thành lập, kiện toàn kịp thời, thực hiện tốt nhiệm vụ chỉ đạo, điều hành, điều phối, đảm bảo Chương trình được triển khai thực hiện có hiệu quả.

II. Khó khăn, thách thức

1. Một số văn bản triển khai, hướng dẫn thực hiện Chương trình chưa cụ thể, chi tiết, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương; một số văn bản được sửa đổi, bổ sung trong năm 2023, 2024 vì vậy các địa phương cần có thời gian nghiên cứu, cập nhật.

2. Một số công chức cấp xã chưa dành thời gian nghiên cứu kỹ về nội dung, phạm vi, đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của từng dự án, tiểu dự án được quy định tại các Nghị định, Thông tư, hướng dẫn thuộc Chương trình dẫn đến công tác tham mưu triển khai thực hiện còn lúng túng, bị động.

3. Hộ nghèo chủ yếu tập trung vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong khi các điều kiện khó khăn, thiếu việc làm lại tập trung vùng này, vì vậy điều kiện để thoát nghèo gặp nhiều khó khăn. Thu nhập của hộ nghèo hiện chỉ đáp ứng nhu cầu tối thiểu cuộc sống; không đủ tích lũy để đề phòng tai nạn, ốm đau, mất việc làm..., luôn tiềm ẩn nguy cơ tái nghèo./.